

PATIENT SAFETY CULTURE AMONG HEALTHCARE WORKERS AT VINH CITY GENERAL HOSPITAL, NGHE AN PROVINCE

Pham Nhat Sinh¹, Tran Thi Kieu Anh^{1*}, Nguyen Ngoc Hung²

¹Vinh Medical University - 161 Nguyen Phong Sac, Hung Dung Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

²Vinh City General Hospital - 178 Tran Phu, Hong Son Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

Received: 07/02/2025

Revised: 26/02/2025; Accepted: 15/03/2025

ABSTRACT

Objectives: To describe the current state of patient safety culture among healthcare workers at Vinh City General Hospital, Nghe An Province, in 2024.

Subjects and methods: A combination of quantitative research conducted on 552 healthcare workers and qualitative research conducted on 10 leaders and staff members at Vinh City General Hospital from January 2024 to June 2024.

Results: The strengths in patient safety culture at the hospital include leadership support (97.2%), continuous learning and improvement (96.6%), and teamwork across departments (95.6%). Areas needing improvement include Openness in discussing errors (79.5%), Staffing (79.0%), and Frequency of incident reporting (77.4%).

Conclusion: The positive response rate of healthcare workers at Vinh City General Hospital regarding the 12 domains of patient safety culture is relatively high, with an overall average of 89.0%, ranging from 77.4% to 97.2%.

Keywords: Current status, patient safety culture, healthcare workers.

*Corresponding author

Email: kieuanh@vnu.edu.vn **Phone:** (+84) 912584133 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD3.2159**

VĂN HÓA AN TOÀN NGƯỜI BỆNH CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Phạm Nhật Sinh¹, Trần Thị Kiều Anh^{1*}, Nguyễn Ngọc Hùng²

¹Trường Đại học Y khoa Vinh - 161 Nguyễn Phong Sắc, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

²Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh - 178 Trần Phú, P. Hồng Sơn, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Ngày nhận bài: 07/02/2025

Chỉnh sửa ngày: 26/02/2025; Ngày duyệt đăng: 15/03/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2024.

Đối tượng và phương pháp: Kết hợp nghiên cứu định lượng trên 552 nhân viên y tế và nghiên cứu định tính trên 10 cán bộ lãnh đạo, nhân viên tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024.

Kết quả: Các lĩnh vực là điểm mạnh về VHATNB tại Bệnh viện: Hỗ trợ của lãnh đạo bệnh viện (97,2%); Học tập và cải tiến liên tục (96,6%); Làm việc nhóm giữa các khoa/phòng (95,6%). Các lĩnh vực cần tập trung cải tiến: Cởi mở trong thông tin về sai sót (79,5%); Nhân lực (79,0%); Tần suất báo cáo sự cố (77,4%).

Kết luận: Tỷ lệ trả lời tích cực của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh về 12 lĩnh vực văn hoá an toàn người bệnh là khá cao, trung bình chung là 89,0%, dao động từ 77,4% đến 97,2%.

Từ khóa: Thực trạng, văn hoá an toàn người bệnh, nhân viên y tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

An toàn người bệnh (ATNB) ngày nay đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất trong lĩnh vực y tế. Tổ chức Y tế Thế giới ước tính ở các nước có thu nhập cao, cứ 10 bệnh nhân nhập viện thì có 1 bệnh nhân gặp phải sự cố y khoa, trong đó 50% là các sự cố có thể phòng tránh được [1].

Trong những năm qua, Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh đã và đang triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn người bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Tuy nhiên, một số hoạt động triển khai đến nay vẫn còn nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện. Đã có một số nghiên cứu về nội dung này trên thế giới cũng như tại Việt Nam, tuy nhiên đến nay chưa có nghiên cứu tại Nghệ An cũng như tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh để đánh giá về vấn đề văn hóa an toàn người bệnh trong bối cảnh các nguy cơ xảy ra sự cố luôn tồn tại, có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người bệnh và chất lượng khám, chữa bệnh. Từ những lý do trên, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài với mục tiêu: Mô tả thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Đối tượng: Nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng và cận lâm sàng của Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh từ 1 năm trở lên tính đến thời điểm phỏng vấn.

- Địa điểm, thời gian: từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2024 tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính

- Cỡ mẫu và Phương pháp chọn mẫu:

+ Nghiên cứu định lượng: 552 nhân viên y tế (NVYT) được chọn ngẫu nhiên kết hợp với chọn mẫu phân tầng.

+ Nghiên cứu định tính: Chọn chủ đích 10 cán bộ, NVYT gồm: Ban giám đốc bệnh viện, trưởng phòng, khoa hệ nội, hệ ngoại, khám bệnh ngoại trú, dược, kiểm soát nhiễm khuẩn.

2.3. Công cụ và phương pháp thu thập thông tin

- Công cụ:

*Tác giả liên hệ

Email: kieuanh@vnu.edu.vn Điện thoại: (+84) 912584133 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD3.2159>

+ Nghiên cứu định lượng sử dụng Bộ câu hỏi tự điền. Đây là bộ câu hỏi khảo sát văn hóa ATNB của Tổ chức AHRQ của Hoa Kỳ (Agency for Healthcare Research and Quality) đã được nhiều đơn vị áp dụng tại Việt Nam [2].

+ Nghiên cứu định lượng sử dụng bộ câu hỏi hướng dẫn phỏng vấn sâu.

- Phương pháp thu thập thông tin:

+ Bộ phiếu được mã hoá trên Google Form. Nhóm nghiên cứu sẽ đi từng khoa lâm sàng để hướng dẫn/phỏng vấn NVYT. Đối tượng sẽ tích vào câu trả lời trên

điện thoại, máy tính thông qua biểu mẫu được gửi link bộ phiếu hỏi.

+ Với nghiên cứu định tính, sẽ sử dụng điện thoại ghi âm, bút, sổ ghi chép lại nội dung cuộc phỏng vấn, thực hiện trong phòng riêng để đảm bảo tính riêng tư, khách quan.

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập được trên Google Form sẽ được xuất sang Excel để kiểm tra, làm sạch, mã hoá lại và phân tích trên phần mềm SPSS 25.0 bằng các thuật toán thống kê.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua nghiên cứu định lượng trên 552 cán bộ, nhân viên y tế cho kết quả như sau:

3.1. Bẫy lĩnh vực văn hóa an toàn người bệnh trong phạm vi của khoa, phòng

Bảng 1. Lĩnh vực làm việc nhóm trong khoa, phòng (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trong khoa luôn hỗ trợ lẫn nhau	525	95,1	6	1,1	21	3,8
Làm việc theo nhóm để giải quyết khi có nhiều việc gấp	533	96,5	6	1,1	13	2,4
Luôn tôn trọng nhau	518	93,8	11	2,0	23	4,2
Hỗ trợ lẫn nhau khi một bộ phận trong khoa có nhiều việc	523	94,7	10	1,8	19	3,5
Tỷ lệ trả lời trung bình	95,0		1,5		3,5	

Tỷ lệ trung bình nhân viên trả lời tích cực cho lĩnh vực “Làm việc nhóm trong khoa, phòng” cao 95,0%. Tỷ lệ trả lời tích cực cao nhất là 96,5% đối với nội dung “NV trong khoa luôn làm việc theo nhóm để hoàn thành công việc khi yêu cầu công việc, thời gian gấp”.

Bảng 2. Lãnh đạo khoa khuyến khích an toàn người bệnh (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Động viên khi NV tuân thủ các qui trình ATNB	536	97,1	6	1,1	10	1,8
Luôn xem xét nghiêm túc các đề xuất của NV trong cải tiến ATNB	540	97,8	4	0,7	8	1,5
Không yêu cầu NV làm việc nhanh hơn khi áp lực công việc tăng	477	86,4	15	2,7	60	10,9
Luôn quan tâm các vấn đề ATNB dù biết nhiều lỗi lặp đi lặp lại	496	89,9	16	2,9	40	7,2
Tỷ lệ trả lời trung bình	92,8		1,9		5,3	

Tỷ lệ trung bình nhân viên trả lời tích cực cho lĩnh vực “Lãnh đạo khoa khuyến khích an toàn người bệnh” cao với 92,8%. Tỷ lệ tích cực cao nhất ở nội dung “Luôn xem xét nghiêm túc các đề xuất của NV trong cải tiến ATNB” với 97,8% và thấp nhất ở nội dung “Khi áp lực công việc tăng không yêu cầu NV làm việc nhanh hơn” với 86,4%.

Bảng 3. Lĩnh vực học tập và cải tiến liên tục (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Khoa chủ động triển khai các hoạt động ATNB	535	96,9	4	0,7	13	2,4
Các sai sót xảy ra đã giúp khoa thay đổi tích cực	531	96,2	10	1,8	11	2,0
Khoa có đánh giá hiệu quả các biện pháp cải tiến ATNB	534	96,7	12	2,2	6	1,1
Tỷ lệ trả lời trung bình	96,6		1,6		1,8	

Tỷ lệ trung bình trả lời tích cực ở lĩnh vực “học tập và cải tiến liên tục” rất cao với 96,6%, và các tiêu mục trong lĩnh vực này có tỷ lệ trả lời tích cực đều trên 95%.

Bảng 4. Lĩnh vực thông tin và phản hồi về sai sót (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Được phản hồi về những biện pháp cải tiến dựa trên báo cáo sự cố	447	81,0	95	17,2	10	1,8
Được thông tin về các sai sót, sự cố xảy ra	497	90,0	41	7,4	14	2,5
Khoa tổ chức thảo luận các biện pháp để phòng ngừa sai sót tái diễn	477	86,4	69	12,5	6	1,1
Tỷ lệ trả lời trung bình	85,8		12,4		1,8	

Tỷ lệ trung bình NV trả lời tích cực cho lĩnh vực “thông tin và phản hồi về sai sót” là 85,8%. Tỷ lệ trả lời tích cực cao nhất ở nội dung “NV được thông tin về các sai sót, sự cố xảy ra” với 90,0% và thấp nhất ở nội dung “Khoa tổ chức thảo luận các biện pháp để phòng ngừa sai sót, sự cố tái diễn” với 81,0%.

Bảng 5. Lĩnh vực cởi mở trong thông tin về sai sót (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thoải mái nói ra khi thấy có vấn đề ảnh hưởng không tốt đến ATNB	462	83,7	80	14,5	10	1,8
Cảm thấy thoải mái khi chất vấn những quyết định về ATNB của lãnh đạo	373	67,6	138	25,0	41	7,4
Thoải mái trao đổi khi thấy những việc diễn ra ảnh hưởng đến ATNB	482	87,3	63	11,4	7	1,3
Tỷ lệ trả lời trung bình	79,5		19,0		3,5	

Lĩnh vực “cởi mở trong thông tin về sai sót” có tỷ lệ trả lời mức tích cực là 79,5%, trong đó nội dung “NV cảm thấy thoải mái khi chất vấn, hỏi đáp những quyết định hoặc hành động của lãnh đạo” có tỷ lệ thấp nhất với 67,7%.

Bảng 6. Lĩnh vực nhân lực (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Khoa có đủ nhân lực để làm việc	381	69,0	8	1,5	163	29,5
Trong khoa không phải làm việc nhiều hơn thời gian qui định	411	74,4	22	4,0	119	21,6
Khoa không phải cần bổ sung nhân lực hỗ trợ để có thể chăm sóc NB tốt nhất	427	77,3	27	4,9	98	17,9
Trong khoa không phải cố gắng làm thật nhanh cho xong việc	525	95,1	7	1,3	20	3,6
Tỷ lệ trả lời trung bình	79,0		2,9		18,1	

Lĩnh vực “nhân lực” có tỷ lệ trả lời tích cực là 79,0%, trong đó nội dung “Khoa có đủ nhân lực để làm việc” có tỷ lệ thấp nhất với 67,7%.

Bảng 7. Lĩnh vực hành xử không buộc tội khi có sai sót (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không cảm thấy bị thành kiến, buộc tội khi để xảy ra sai sót	460	83,3	32	5,8	60	10,9
Khi có một sự cố xảy ra thì được nêu ra để phân tích nguyên nhân gốc rễ hơn là chỉ trích lỗi cá nhân	523	94,7	7	1,3	22	4,0
Không phải lo lắng các sai sót của mình bị ghi nhận vào hồ sơ cá nhân	426	77,2	46	8,3	80	14,5
Tỷ lệ trả lời trung bình	85,1		5,1		9,8	

Tỷ lệ trả lời tích cực trung bình ở lĩnh vực “hành xử không buộc tội khi có sai sót” là 85,1%. Tỷ lệ trả lời tích cực thấp nhất ở nội dung “NV không phải lo lắng các sai sót, sự cố của mình bị ghi nhận vào hồ sơ cá nhân” là 77,2%.

3.2. Các lĩnh vực văn hóa an toàn người bệnh trong phạm vi của bệnh viện

Bảng 8. Lĩnh vực hỗ trợ của lãnh đạo bệnh viện về ATNB (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lãnh đạo tạo môi trường làm việc hướng đến ATNB	535	96,9	8	1,4	9	1,6
ATNB là ưu tiên hàng đầu trong các hoạt động quản lý bệnh viện và KCB	538	97,5	5	0,9	9	1,6
Lãnh đạo luôn quan tâm đến ATNB kể cả khi không có sự cố nghiêm trọng xảy ra	537	97,3	8	1,4	7	1,3
Tỷ lệ trả lời trung bình	97,2		1,3		1,5	

Tỷ lệ trả lời tích cực trung bình ở lĩnh vực “hỗ trợ của lãnh đạo BV” ở mức cao với 93,9% trong đó có 97,5% trả lời tích cực ở nội dung “ATNB là ưu tiên hàng đầu trong các hoạt động quản lý BV và KCB”.

Bảng 9. Lĩnh vực làm việc nhóm giữa các khoa (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Các khoa, phòng phối hợp tốt với nhau trong xử lý công việc	526	95,3	12	2,2	14	2,5
Có sự hợp tác tốt giữa các khoa liên quan khi xử lý công việc chung	529	95,8	13	2,4	10	1,8
Cảm thấy rất thoải mái khi làm việc với nhân viên của khoa khác	523	94,7	18	3,3	11	2,0
Các khoa hợp tác tốt để đảm bảo chăm sóc tốt nhất cho NB	534	96,7	12	2,2	6	1,1
Tỷ lệ trả lời trung bình	95,6		2,5		1,9	

Tỉ lệ trả lời tích cực trung bình ở lĩnh vực “làm việc nhóm giữa các khoa” ở mức rất cao với 95,6%. Các nội dung trong lĩnh vực này đều có tỉ lệ trả lời tích cực trên 90,0%.

Bảng 10. Lĩnh vực bàn giao và chuyển bệnh (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không có vấn đề nào bị bỏ sót khi chuyển NB từ khoa này sang khoa khác	478	86,6	46	8,3	28	5,1
Không có việc các thông tin quan trọng trong chăm sóc NB thường bị bỏ sót trong quá trình bàn giao ca trực	510	92,4	22	4,0	20	3,6
Quá trình trao đổi thông tin, công việc giữa các khoa/phòng diễn ra thuận lợi, không có vấn đề bất cập	512	92,8	23	4,1	17	3,1
Khi thay đổi ca trực không có điều gì bất cập đáng lo ngại đối với NB	512	92,8	20	3,6	20	3,6
Tỷ lệ trả lời trung bình	91,1		5,0		3,9	

Tỉ lệ trả lời tích cực trung bình ở lĩnh vực “bàn giao và chuyển bệnh” ở mức cao với 91,1%. Có 5,1% NVYT cho rằng “có vấn đề nào bị bỏ sót khi chuyển người bệnh từ khoa này sang khoa khác”.

3.3. Các lĩnh vực về kết quả liên quan đến an toàn người bệnh

Bảng 11. Lĩnh vực nhận thức về an toàn người bệnh (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Không/chưa xảy ra sai sót nghiêm trọng ở khoa không phải là do may mắn	494	89,5	15	2,7	43	7,8
Khoa không bao giờ coi nhẹ sự ATNB để đánh đổi lấy làm được nhiều công việc hơn	535	96,9	6	1,1	11	2,0
Khoa không có vấn đề nào thể hiện việc không đảm bảo ATNB	478	86,6	21	3,8	53	9,6
Khoa có những quy trình và biện pháp hiệu quả để phòng ngừa sai sót xảy ra	536	97,1	8	1,4	8	1,4
Tỷ lệ trả lời trung bình	92,5		2,3		5,2	

Tỉ lệ trả lời tích cực trung bình ở lĩnh vực “nhận thức về ATNB” ở mức cao với 92,5%. Có 9,6% NVYT cho rằng “khoa có vấn đề nào thể hiện việc không đảm bảo an toàn người bệnh”.

Bảng 12. Lĩnh vực tần suất báo cáo sự cố (n=552)

Nội dung	Tích cực		Bình thường		Chưa tích cực	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sự cố xảy ra nhưng được phát hiện trước khi ảnh hưởng đến NB thường xuyên được báo cáo	444	80,4	93	16,8	15	2,7
Sự cố xảy ra nhưng không gây hại cho NB thường xuyên được báo cáo	405	73,4	126	22,8	21	3,8
Sự cố xảy ra, đáng lẽ gây hại cho NB nhưng “may mắn” chưa gây hại thường xuyên được báo cáo	433	78,4	101	18,3	18	3,3
Tỷ lệ trả lời trung bình	77,4		19,3		3,3	

Lĩnh vực “tần suất báo cáo sự cố” có tỷ lệ trả lời mức tích cực là 77,4%, trong đó nội dung “sự cố xảy ra nhưng không gây hại cho người bệnh thường xuyên được báo cáo” chỉ có 73,4% NVYT trả lời tích cực.

4. BÀN LUẬN

4.1. Bảy lĩnh vực văn hóa an toàn người bệnh trong phạm vi của khoa, phòng

Trong 7 lĩnh vực ở phạm vi khoa, phòng thì “*Học tập và cải tiến liên tục*” tỷ lệ NVYT có phản hồi tích cực cao nhất (96,6%), đây là một trong những lĩnh vực mạnh nhất về VHATNB tại Bệnh viện. Kết quả tương đương với nghiên cứu tại các bệnh viện ở TP Hồ Chí Minh (94%)[25] và cao hơn ở Bệnh viện ĐK Đồng Đa, Hà Nội (80,2%) [4], Bệnh viện ĐK trung tâm Tiền Giang (84%) [5], tổ chức AHRQ (72%) [6], Trung Quốc (74,1%) [7] và tại Tây nam Ethiopia (71,3%) [8].

Lĩnh vực “*nhân lực*” có tỉ lệ trả lời tích cực thấp nhất (79,0%) cho thấy đây là một trong các lĩnh vực yếu về VHATNB tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh cũng như ở nhiều CSYT khác, thể hiện tình trạng thiếu nhân lực ở các CSYT, điều này ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động đảm bảo ATNB. Kết quả này tương đương với nghiên cứu tại BV Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang (81,4%) [9] và cao hơn so với một số nghiên cứu khác trong và ngoài nước, dao động từ (60-65%) [3], [10], [11].

4.2. Các lĩnh vực văn hóa an toàn người bệnh trong phạm vi của bệnh viện

Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy cả 3 lĩnh vực ở phạm vi toàn bệnh viện đều có tỉ lệ NVYT trả lời tích cực rất cao (> 90%). Trong đó, lĩnh vực “*Hỗ trợ của lãnh đạo bệnh viện về ATNB*” có tỷ lệ trả lời tích cực cao nhất (97,2%), gần tương đương với nghiên cứu tại các BV tại thành phố Hồ Chí Minh (91%)

[3], Viện Y dược học dân tộc (92,5%) [10], tại BV Đa khoa Đống Đa, Hà Nội (90,1%) [4], BV Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang (95,7%) [9] và cao hơn so với nghiên cứu trong nước, dao động khoảng từ 40-80% [6], [7], [8], [11]. Kết quả này cho thấy NV đã nhận thức và đánh giá cao sự quan tâm của lãnh đạo BV đối với hoạt động ATNB trong BV, cũng như việc xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, an toàn thúc đẩy an toàn cho NB và NVYT.

4.3. Các lĩnh vực về kết quả liên quan đến an toàn người bệnh

Lĩnh vực “Nhận thức về ATNB” có tỷ lệ trả lời tích cực đạt cũng ở mức cao (92,5%), kết quả này cao hơn so với các nghiên cứu trong và ngoài nước, như nghiên cứu tại 43 BV ở thành phố Hồ Chí Minh (79%) [3], BV Đống Đa, Hà Nội (78,8%) [4], BV đa khoa trung tâm Tiền Giang (64%) [4], nghiên cứu của AHRQ (66%) [6], tại Đài Loan (65%) [12], Trung Quốc (58,4%) [7], Tây Nam Ethiopia (50,5%) [8]. Lĩnh vực “Tần suất báo cáo sự cố” có tỷ lệ NV có nhận thức tích cực đạt 77,4%, tỉ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu tại BV Vinmec Nha Trang (82,1%) [9], cao hơn so với các nghiên cứu trước đó tại 43 BV ở thành phố Hồ Chí Minh (60%) [3], BV Đa khoa Đống Đa, Hà Nội (66%) [4].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ trả lời tích cực của nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh về 12 lĩnh vực Văn hoá an toàn người bệnh là khá cao, trung bình chung là 89,0%, cụ thể như sau: Hỗ trợ của lãnh đạo bệnh viện (97,2%); Học tập và cải tiến liên tục (96,6%); Làm việc nhóm giữa các khoa/phòng (95,6%); Làm việc nhóm trong khoa (95,0%); Lãnh đạo khoa khuyến khích An toàn người bệnh (92,8%); Nhận thức về an toàn người bệnh (92,5%); Bàn giao và chuyển bệnh (91,1%). Các lĩnh vực cần tập trung cải tiến: Cởi mở trong thông tin về sai sót (79,5%); Nhân lực (79,0%); Tần suất báo cáo sự cố (77,4%);

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] WHO (2018). 10 facts on patient safety 2018. Available from: <https://www.who.int/news-room/facts-in-pictures/detail/patient-safety>.

[2] Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh (2016). Công văn số 4233/SYT-NVY ngày 12/5/2016 về việc Ban hành khuyến cáo xây dựng văn hóa an toàn người bệnh tại các bệnh viện.

[3] Tăng Chí Thượng (2016). Khảo sát thực trạng

văn hóa an toàn người bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đề tài cấp thành phố. Sở Khoa học và công nghệ, Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Lê Thanh Hải (2019). Đánh giá của nhân viên y tế về văn hóa an toàn người bệnh tại Bệnh viện đa khoa Đống Đa năm 2019 và một số yếu tố ảnh hưởng, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng.

[5] Lưu Quốc Hùng (2019). Thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang năm 2019, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng.2019.

[6] Sorra J, Gray L, Streagle S, et al (2018). AHRQ Hospital Survey on Patient Safety Culture: User’s Guide. (Prepared by Westat, under Contract No. HHS290201300003C). AHRQ Publication No. 18-0036-EF (Replaces 04-0041, 15(16)-0049-EF). Rockville, MD: Agency for Healthcare Research and Quality. July 2018.

[7] Wang M, Tao H (2017). How Does Patient Safety Culture in the Surgical Departments Compare to the Rest of the County Hospitals in Xiaogan City of China? International journal of environmental research and public health. 2017;14(10).

[8] Wami SD, Demssie AF, Wassie MM, Ahmed AN (2016). Patient safety culture and associated factors: A quantitative and qualitative study of healthcare workers’ view in Jimma zone Hospitals, Southwest Ethiopia. BMC health services research. 2016;16:495.

[9] Lê Tấn Lực, Bùi Thị Tú Quyên, Vũ Thị Thu Hằng (2021). Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Nha Trang năm 2021. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu sức khỏe và phát triển. Tập 5, số 06, 2021.

[10] Lê Thanh Thảo (2019), Thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế các khoa lâm sàng tại Viện Y dược học dân tộc năm 2019, Luận văn Thạc sỹ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế công cộng.

[11] Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Thị Thu Hà, Kiều Thị Hoa (2021). Văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2020 - 2021 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển, tập 05, số 6, 2021.